

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RC4+JS2	7:25	10+5+7	0+0+0		9+5+7	0+0+0	
2		RP1+RP2	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
3		RP1+RP3	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
4		RC5+RC6+RP3	9:25	8+5+9	0+0+0		8+5+5	0+0+0	
5		RP3+CTK3+P3	9:25	22+0+0	0+0+0		19+1+1	0+0+0	
6		P4+P5+RP1	9:25	8+1+13	0+0+0		0+4+13	0+0+0	
7		T.JUNG	11:00	14	0		18	0	
8		TD2+P2+TD3	11:25	4+8+10	0+0+0		0+0+9	0+0+0	
9		P10-RP2+RC3	11:25	15+5	0+0		13+8	0+0	

TTDSSX

- Ghi Chú : 1/Đi và về trong ngày: Rp2-1ng; RC3-5ng.
2/RC-DM đổi ca qua JS2 (Giãn báo cho JS2 liên lạc máy bay)
3/ Có 2 nhóm nhà báo ra giãn làm việc với TD2+P1 và P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: RC3 - RC4 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - LHAi - MQUAN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RC3	65	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ LÊ TRUNG	RC3	62	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	64	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THẾ MẠNH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY HIEU	RC3	66	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI ANH SON	RC3					60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO	RC3	61	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỮU TÍNH	RC3	63	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	FIRSOV	RC3	60	1	3		100	ANTOAN	Russian
10	KAZIKOV	RC3	59	1	4		100	ANTOAN	Russian
11	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	30	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN TIẾN	RC4	29	1	3	50	82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC4	31	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH MINH TRI	RC4	28	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	35	1	8	16	55	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUANG TUYẾN	JS2	78	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐẠI	JS2	82	1	4	50	65	KH-THAC	Vietnamese
18	CU NGỌC BẠN	JS2	79	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẠ	JS2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THANH	JS2	80	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH CÔNG	JS2	81	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VĂN THANH	JS2	56	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	10	8	34	755	0	9		
2	RC4	5	5	21	326	66	5		
3	JS2	7	6	34	457	50	8		
TOTAL		22	19	89	1.538	116	22		
WEIGHT KG				89	1.538	116			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Nov-17	TO: RP1 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hôi - TTrung - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUÔNG VĂN THỐNG	RP1	33-35	3	11	20	60	YTE	Vietnamese
2	HOANG VIET THUAN	RP1	82	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
3	KRAMARENKO	RP2	16	1	5		70	KH-THAC	Russian
4	VU MINH PHƯƠNG	RP2	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAPIVKA	RP2	18	1	3		70	KH-THAC	Russian
6	BONDARENKO	RP2					98	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VĂN SƠN	RP2	04	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
8	TARASENKO ALECHXAY	RP2	17	1	11		90	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN VAN LIEM	RP2	14	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	RP2	05	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	08	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC TRƯỜNG	RP2	03	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG VINH	RP2	01	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN KIM	RP2	06	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	15	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY HUNG	RP2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	12	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LIU VAN DIEN	RP2	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	VU HUU QUAN	RP2	09-10	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN SAU	RP2	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	4	20	126	20	0		
2	RP2	20	19	89	1.390	0	22		
TOTAL		22	23	109	1.516	20	22		
WEIGHT KG				109	1.516	20			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TUYẾN - Luy - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DAI	RP1	59	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	RP1	58	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC VƯỢNG	RP1	57	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NGU	RP1	67	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN THAI	RP1	65	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG CONG THANH	RP1	66	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HUNG	RP1	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG VU NHAT VINH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TRI KHANH	RP1	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NANG	RP1	64	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
11	DINH VAN THONG	RP1	68	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG THANH DAN	RP1	63	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH THAM	RP1	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HAI CHIEN	RP3	56-57,61	3	17		70	ALPHAECC	Vietnamese
15	LE VAN ĐỨC	RP3	58	1	6		60	ALPHAECC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC THUAN	RP3	60	1	5		60	ALPHAECC	Vietnamese
17	TRAN VAN MINH	RP3	55	1	5		85	Y TE	Vietnamese
18	PHAM QUOC CHE	RP3	54	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
19	DINH QUANG THANH	RP3	59	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA THIEN	RP3	51	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRUONG	RP3	52	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
22	DO QUANG TO	RP3	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	12	83	928	0	13		
2	RP3	9	11	65	627	0	9		
TOTAL		22	23	148	1.555	0	22		
WEIGHT KG				148	1.555	0			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: RC5 - RC6 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - LHAi - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH- <u>2</u>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HOP	RC5	17	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VO VAN DONG	RC5	20-21	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN THUAN	RC5	22	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH LOC	RC5	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	DINH VAN LIEN	RC5	25	1	3	40	67	KH-THAC	Vietnamese
6	DANG DINH THANG	RC5	23	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN HONG	RC5	400	1	14		49	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DINH DUC	RC5	18-19	2	9		75	PSV	Vietnamese
9	TRAN NGOC CHINH	RC6	01	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG TIN	RC6	02	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG NHAT THANH	RC6	07	1	10	35	70	KH-THAC	Vietnamese
12	DO QUOC HUY	RC6	08	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HA	RC6	03-04	2	16		79	PSV	Vietnamese
14	VO TAN CHAU	RP3	69-70	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	65	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
16	VO HO HAI	RP3	66-67	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PLATUNOV V.A.	RP3	71	1	5		87	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN VAN NHANH	RP3	62	1	8		62	KHI	Vietnamese
19	TRUONG THE TUNG	RP3	63	1	9		75	KHI	Vietnamese
20	CAO DUC THANH	RP3	64	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG CHUNG THUY	RP3	68	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	10	57	555	40	8		
2	RC6	5	6	56	387	35	5		
3	RP3	9	11	65	611	0	5		
TOTAL		22	27	178	1.553	75	18		
WEIGHT KG				178	1.553	75			

GRAND TOTAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: RP3 - CTK3 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hôi - TTrung - THU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN CHAU	RP3	70-71	2	10		60	B-SON	Vietnamese
2	TRAN SY DIEP	RP3	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HUY THANG	RP3	69	1	7	15	70	B-SON	Vietnamese
4	PHAM VAN DONG	RP3	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU MAU	RP3	67-68	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN TIEN	RP3	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH BINH	RP3	78	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VO THANH LAM	RP3	81	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TAN TRONG	RP3	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN HAI HA *TT	RP3	85-86	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG HUNG	RP3					79	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TAN NGON	RP3	79	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUY HAI	RP3	87-88	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN HOI	RP3	76	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN NGUYEN PHONG	RP3	75	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUANG THANG	RP3	64	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	LE THANH TRUNG	RP3	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	DOAN DUY HUNG	RP3	66	1	10		85	KHI	Vietnamese
19	LUONG MANH DUONG	RP3	65	1	5		62	KHI	Vietnamese
20	DOAN VAN TRUC	RP3	73	1	8		67	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN CUONG	RP3	83	1	5		80	KHI	Vietnamese
22	LUU QUANG HUNG	RP3	72	1	10		70	B-SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	25	166	1.539	15	18		
2	CTK3	0	0	0	0	0	2		
3	P3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	166	1.539	15	21		
WEIGHT KG				166	1.539	15			

GRAND TOTAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: P4 - P5 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TUYỀN - Luy - Huy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU THU	P4	83-84	2	15		72	PVC-PT	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SAU	P4	85	1	10		50	PVC-PT	Vietnamese
3	PHAN QUYẾT THĂNG	P4	86	1	8		65	PVC-PT	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THĂNG	P4	87	1	10		55	PVC-PT	Vietnamese
5	VÕ HỒNG QUAN	P4	89-90	2	13		86	PVC-PT	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU ĐỊNH	P4	82	1	10		75	PVC-PT	Vietnamese
7	VŨ BẠCH DƯƠNG	P4	88	1	12		53	PVC-PT	Vietnamese
8	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	44	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	42	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	48	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM BA TÀI	RP1	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BÙI MINH ĐƯƠNG	RP1	43	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN THANH	RP1	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ BÀ NỆP	RP1	47	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG TÙNG	RP1	37	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI CƯỜNG	RP1	38	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	TALONIN V. A	RP1	46	1	11		120	KH-THAC	Russian
19	VŨ ANH TUẤN	RP1	40	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG QUỐC HUY	RP1	41	1	10		90	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	9	78	456	0	0		
2	P5	0	0	0	0	50	4		
3	RP1	13	13	95	968	0	13		
TOTAL		20	22	173	1.424	50	17		
WEIGHT KG				173	1.424	50			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Nov-17	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HLONG - TÙNG	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TUAN	BK THIE	84	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
2	AVAKIAN	BK THIE					97	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	74	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	81	1	10	70	72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	75	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SON	BK THIE	77	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN ĐAN	BK THIE	80	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TIEN VINH	BK THIE	79	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC SANG	BK THIE	78	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH TUNG	BK THIE	83	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
11	KLY	BK THIE	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
13	NG. QUỐC VIỆT	BK THIE	73	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN KHOA	BK THIE	76	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	14	12	80	982	70	18		
	TOTAL	14	12	80	982	70	18		
	WEIGHT KG			80	982	70			

GRAND TOAL: 1.132 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: P10 - RP2 - RC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LH <i>ai</i> - MT <i>uan</i> - MQ <i>UAN</i>	ETA: 13:10
<i>Trang - 3.</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH TUNG	P10	90	1	12		82	H-DONG	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN CUONG	P10	89	1	10		53	H-DONG	Vietnamese
3	HOANG NGOC LAN	RP2	69	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VIET PHUONG	RP2	77	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TAN TAI	RP2	73	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TRUNG KIEN	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC THAN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET TRUONG	RP2	71	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HAI	RP2	78	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VO HOANG CAM	RP2	75	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DUC HUNG	RP2	76	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN KIM NGAN	RP2	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI VAN TUAN	RP2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NIKITIN	RP2	68	1	7		85	ANTOAN	Russian
15	BUI BACH DUONG	RP2	74	1	14		68	DVL	Vietnamese
16	VO THANH NHAT	RP2	72	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BAN	RP2	70	1	5		70	NHATHAU	Vietnamese
18	DUONG MINH KHANH	RC3	52	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU THANH	RC3	53	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC MINH	RC3	54-55	2	15	47	65	CODIEN	Vietnamese
21	DUONG HUU THUAN	RC3	57	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN NAM SON	RC3	56	1	10		77	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	2	2	22	135	0	1		
2	RP2	15	13	87	1.074	0	13		
3	RC3	5	6	47	327	47	8		
TOTAL		22	21	156	1.536	47	22		
WEIGHT KG				156	1.536	47			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/11/2017	TO: TD2 - P2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ QUANG PHƯƠNG	TD2	35-36	2	11		63	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC QUANG	TD2	34	1	7		62	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC KIEN	TD2	32	1	10		59	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SOAN	TD2	33	1	4		57	D-HANH	Vietnamese
5	LÊ THI HĂNG	P2	10	1	9		55	D-HANH	Vietnamese
6	TRỊNH THỊ NGA	P2	09	1	5		53	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN LONG HUNG	P2	11-12	2	9		96	D-HANH	Vietnamese
8	LÊ VĂN CHIÊN	P2	02-03	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG HÒE	P2	01	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH NGỌC THAO	P2	05-06	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BANG	P2	04	1	8	10	65	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG QUANG HUNG	P2	07-08	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC ĐIỀU	TD3	18	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TOÀN	TD3	19	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH VŨ TIÊN	TD3	13	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THUY	TD3	16-17	2	15		48	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HANH	TD3	09-10	2	16		59	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN KIM HƯƠNG	TD3	11	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUẤT	TD3	15	1	12	20	78	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THỌ	TD3	12	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ DUY ĐỨC	TD3	14	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN KHÁC SAU	TD3	08	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	4	5	32	241	0	0		
2	P2	8	12	86	538	10	0		
3	TD3	10	12	128	663	20	9		
TOTAL		22	29	246	1.442	30	9		
WEIGHT KG				246	1.442	30			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN